

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

&&&

Bản án số:03/2023/DS-ST

Ngày: 16/01/2023

“V/v TC HĐ vay tài sản
và HĐ góp hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

2/ Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2022/QĐXXST-DS ngày 02/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 287/2022/QĐST-DS ngày 19/12/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 890/TB-TA ngày 30/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp Nhơn P, xã Hòa N, huyện Chợ L, tỉnh Bến T (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Anh Phan Minh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp Chót D, xã Kế A, huyện Kế S, tỉnh Sóc T.

2/ Anh Phan Minh T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Chót D, xã Kế A, huyện Kế S, tỉnh Sóc T.

Người đại diện của Phan Minh T: Phan Minh T1 (Theo Giấy ủy quyền ngày 6/6/2022).

(anh T và anh T1 đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2022 và đơn thay đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 27/9/2022, nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày: Vào năm 2021, anh Phan Minh T1 và em ruột Phan Minh T là thầu xây dựng chung một công trình, nói làm công trình kết tiền nên có vay tiền của chị 07 lần, việc vay nợ có làm giấy tay, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, từ tháng 7/2021 đến nay anh T, anh T1 không đóng lãi, không trả lại vốn vay cho chị, số tiền vay cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 16/01/2021 vay 50.000.000 đồng;
- Lần 2: Ngày 01/4/2021 vay 10.000.000 đồng;
- Lần 3: Ngày 6/4/2021 vay 40.000.000 đồng;
- Lần 4: Ngày 7/5/2021 vay 200.000.000 đồng;
- Lần 5: Ngày 17/5/2021 vay 250.000.000 đồng;
- Lần 6: Ngày 25/6/2021 vay 50.000.000 đồng;
- Lần 7: Ngày 29/6/2021 vay 100.000.000 đồng;

Ngoài ra, chị chơi hụi ngày dùm cho anh T và anh T1 4 chân x 400.000 đồng = 1.600.000 đồng/ngày, đóng tiền 01 tháng là 48.000.000 đồng, kể từ ngày chơi anh T, anh T1 không đóng hụi ngày nào, chị đóng thay số tiền là 40.000.000 đồng, có làm giấy tay. Tổng cộng anh T, anh T1 thiếu chị tiền vay và tiền hụi là 740.000.000 (*Bảy trăm chín mươi triệu đồng*).

Sau đó ngày 26/6/2021 anh T có làm giấy tay bán cho chị một thửa đất diện tích là 330m², đất tọa lại tại ấp Xóm Chòi, xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng trị giá 200.000.000 đồng để trừ vào số nợ, nhưng khi đi làm thủ tục thì thửa đất không tách thửa, sang tên được nên các bên hủy việc mua bán đất.

Nay chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết buộc anh T và anh T1 cùng liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị số tiền nêu trên và tính lãi suất Theo quy định của pháp luật từ ngày 01/7/2021.

- Bị đơn anh Phan Minh T1 trình bày: Anh T1 nhận còn thiếu tiền chị Th 190.000.000 đồng, cụ thể: ngày 16/01/2021 vay 50.000.000 đồng, ngày 6/4/2021 vay 40.000.000 đồng và T1 nhận thiếu chị Th 100.000.000 đồng. Các biên nhận nợ trong giấy viết tay mà chị Th cung cấp cho Tòa án là do anh viết và ký nên không yêu cầu giám định. Sau khi vay anh có đóng lãi cho chị Th được 02 tháng đầu. Đối với em của anh là Phan Minh T thiếu chị Th bao nhiêu thì anh không biết.

- Bị đơn anh Phan Minh T trình bày: Vào năm 2021 anh và em ruột là Phan Minh T1 là thầu xây dựng chung một công trình, do kết vốn nên anh có vay của chị Th 50.000.000 đồng. Anh trả cho chị Th hai lần được 35.000.000 đồng là vào ngày 4/6/2021 âm lịch trả 20.000.000 đồng, chị Th có làm biên nhận và lần sau chuyển khoản cho chị Th 15.000.000 đồng. Vì vậy, anh chỉ còn thiếu bà Th 15.000.000

đồng. Số tiền này anh T còn thiếu nên anh T đứng ra trả cho chị Th, anh không còn trách nhiệm liên quan nên anh yêu cầu chị Th viết giấy xóa nợ cho anh.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân Theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tính lãi Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, chị Th và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Chị Huỳnh Thị T với anh Phan Minh T1, Phan Minh T có thỏa thuận vay tài sản, chơi hụi với nhau, sau đó phát sinh tranh chấp, các bị đơn cùng cư trú tại huyện Kế Sách nên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” là đúng thẩm quyền Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, năm 2021 anh Phan Minh T1 và anh Phan Minh T có vay của chị Huỳnh Thị T, nhờ chị Th chơi hụi dùm. Trong quá trình giao dịch, thực hiện hợp đồng, bên anh T và anh T1 thiếu chị Th các khoản nợ bao gồm:

[3.1] Đối với anh Phan Minh T1: Anh T có viết các biên nhận nợ chị Th số tiền cụ thể như sau: ngày 16/01/2021 vay 50.000.000 đồng và thiếu tiền hụi 40.000.000 đồng, ngày 01/4/2021 vay 10.000.000 đồng, ngày 6/4/2021 vay 40.000.000 đồng, ngày 7/5/2021 nhận 200.000.000 đồng tiền mua bán đất, ngày 17/5/2021 vay 250.000.000 đồng và ngày 29/6/2021 vay 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 690.000.000 đồng. Anh T chỉ T1 nhận thiếu chị Th 190.000.000 đồng đối với các khoản vay ngày 16/01/2021 là 50.000.000 đồng, ngày 6/4/2021 vay 40.000.000 đồng và khoản vay 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh chỉ thiếu chị Th 190.000.000 đồng, anh T1 nhận các biên nhận do anh ký và chị Th không T1 nhận lời trình bày của anh T là đúng. Đối với số tiền mua bán đất 200.000.000 đồng, chị Th cho rằng các bên làm giấy tờ mua bán đất để cân trừ nợ cho anh T nhưng làm thủ tục sang tên tách thửa không được nên việc mua bán không thực hiện nữa. Theo kết quả xác minh thì đất hiện nay bỏ trống, trước đây anh T có đến phát hoang cỏ trên đất này. Vì vậy, lời

trình bày của chị Th là có căn cứ chấp nhận, Tòa án buộc anh T có trách nhiệm với số tiền này.

[3.2] Đối với anh Phan Minh T: Anh T1có viết “*giấy mượn nợ*” ngày 25/6/2021, nội dung mượn chị Th 50.000.000 đồng, đóng lãi hàng tháng. Anh T1cho rằng anh trả cho chị Th hai lần được 35.000.000 đồng, anh chỉ còn thiếu chị Th 15.000.000 đồng. Số tiền này do anh T thiếu nên anh T đứng ra trả cho chị Th, anh không còn trách nhiệm. Thấy rằng: Đối với biên nhận ngày 4/6 về việc trả cho chị Th 20.000.000 đồng, phía dưới chữ ký người trả tiền ghi tên Phan Minh T1, nhưng chữ “T” bị gạch, xóa một phần chữ và ghi kế bên là “Thừa”, hai nét chữ khác biệt nhau. Chị Th cho rằng đây là số tiền mà anh T trả cho chị của khoản tiền vay 20.000.000 đồng vào ngày 24/02, đến ngày 4/6 anh T trả cho chị số tiền này nên chị làm biên nhận nhận tiền Theo yêu cầu của anh T và trả lại biên nhận nợ 20.000.000 đồng cho anh T, trước khi trả chị có lấy điện thoại chụp hình lại biên nhận nợ của anh T (chị Th có cung cấp biên nhận cho Tòa án). Lời trình bày của chị Th là phù hợp với biên nhận ngày 24/02 mà chị cung cấp cho Tòa án, việc gạch, xóa tên “T” và ghi lại kế bên tên “Thừa” với hai nét chữ khác nhau, các bị đơn không có yêu cầu giám định, chị Th không T1nhận đây là số tiền do anh T1trả. Vì vậy, lời trình bày của anh T1là không có căn cứ để Tòa án chấp nhận khoản tiền 20.000.000 đồng này mà đây là số tiền anh T trả nợ vay cho chị Th. Đối với số tiền 15.000.000 đồng anh T1cho rằng anh trả cho chị Th tại cửa hàng điện thoại Vũ tại ấp Số 1, xã Kế An, thấy rằng: Chị Th cho đây là số tiền anh T trả lãi cho chị, anh T trình bày sau khi vay anh chỉ trả lãi cho chị Th được 02 tháng đầu thì ngưng, trong khi anh T bắt đầu vay từ tháng 01 đến cuối tháng 6/2021 thì số tiền này là tiền lãi là phù hợp, nguyên tắc đóng lãi trước mới trả vốn sau và Theo kết quả xác minh tại cửa hàng điện thoại Vũ thì cửa hàng không rõ việc chuyển tiền này vì thời gian đã lâu, sổ sách không còn. Vì vậy, lời trình bày của anh T1đối với số tiền này cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình vay nợ, chơi hụi, bên anh T, anh T1là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của người vay, người chơi hụi, đã nhận tiền, chị Th đóng hụi dùm nhưng không trả vốn, lãi. Vì vậy, bên anh T, anh T1phải có trách nhiệm trả cho chị Th tiền vốn vay và lãi Theo quy định Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, về hụi, họ, biếu, phụng và khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Nghĩa vụ trả nợ: Chị Th xác định số nợ trên là do anh T và anh T1cùng vay chung để làm công trình, có khi chị giao tiền trực tiếp, có lúc chuyển khoản, nhưng sau đó các bên làm biên nhận nợ riêng là phù hợp vì Theo các tài liệu có trong hồ sơ chị Th chuyển tiền cho anh T16 lần với số tiền 144.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và anh T1 xác định mỗi người nợ riêng. Tại phiên tòa chỉ Th xác định anh T và anh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho chị Tho các biên nhận mà mỗi người ký nhận. Theo đó, anh T viết 6 biên nhận với số tiền vay và hụi là 690.000.000 đồng, trong đó tiền hụi là 40.000.000 đồng; anh T1 viết 01 biên nhận với số tiền 50.000.000 đồng. Vì vậy, anh T và anh T1 có trách nhiệm trả nợ riêng của từng người Theo các biên nhận này là phù hợp với quy định trên.

[6] Anh T có trách nhiệm trả nợ cho chị Th tiền vốn 690.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/7/2021 đến ngày 16/01/2023 là 18 tháng 15 ngày với số tiền là $690.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 211.899.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng: $690.000.000 \text{ đồng} + 211.899.000 \text{ đồng} = 901.899.000 \text{ đồng}$.

[7] Anh T1 có trách nhiệm trả nợ cho chị Th tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/7/2021 đến ngày 16/01/2023 là 18 tháng 15 ngày với số tiền là $50.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 15.355.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng: $50.000.000 \text{ đồng} + 15.355.000 \text{ đồng} = 65.355.000 \text{ đồng}$.

[8] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách là có căn cứ nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh T phải chịu án phí là 39.056.970 đồng và anh T1 phải chịu án phí là 3.267.750 đồng Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Loan không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 24, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, về hụi, họ, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2/. Buộc anh Phan Minh T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị T số tiền vốn 690.000.000 đồng và tiền lãi 211.899.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 901.899.000 đồng (*Chín trăm lẻ một triệu tám trăm chín mươi chín ngàn đồng*).

3/. Buộc anh Phan Minh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị T số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 15.355.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 65.355.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng*).

4/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án Theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5/. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phan Minh T1 phải chịu án phí là 39.056.970 đồng và anh Phan Minh T phải chịu án phí là 3.267.750 đồng.

Chị Huỳnh Thị T không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.800.000 đồng, Theo biên lai thu tiền số 0003784, ngày 8/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

6/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án Theo thủ tục phúc thẩm.

7/. Trường hợp bản án được thi hành Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án Theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện Theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thạch Viết Tâm